TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH HƯNG** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2019/DS-ST
Ngày: 21-8-2019
V/v "Yêu cầu phân chia tài sản chung để thi hành án"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị The

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Lâm
Ông Trần Bình Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thái Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 62/2019/TLST-DS ngày 02/5/2019 về "Yêu cầu phân chia tài sản chung để thi hành án" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2019/QĐXXST-DS ngày 17/7/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Huỳnh N, sinh năm 1994. Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An.

- Bị đơn:
1. Ông Trần Văn B, sinh năm 1963;
2. Bà Trương Thị T, sinh năm 1963;
3. Bà Trần Trương Thảo V, sinh năm 1985;
4. Ông Trần Trương Huyền Đ, sinh năm 1996.
Cùng địa chỉ: Khu phố M, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chi cục Thi hành án dân sự huyện V. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân H - Chi cục trưởng. Địa chỉ: Khu phố M, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An.

2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1935. Địa chỉ: Khu phố M, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An.

3. Ông Trương Văn L, sinh năm 1984. Địa chỉ: Khu phố M, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An.

4. Ông Nguyễn H, sinh năm 1955. Địa chỉ: Khu phố M, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An.

(Nguyên đơn có mặt, các bị đơn vắng mặt lần hai không lý do, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn yêu cầu giải quyết dân sự ngày 25/4/2019 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Huỳnh Thị Huỳnh N trình bày:

Căn cứ Bản án số 15/2018/DS-ST ngày 11/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng buộc ông Trần Văn B phải trả cho bà 90.000.000 đồng. Sau đó bà có đơn yêu cầu thi hành án thì Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng có thông báo số 271/TB-CCTHADS ngày 09/4/2019 về việc xác định, phân chia, xử lý tài sản chung của ông Trần Văn B đối với quyền sử dụng đất tại thửa 71, tờ bản đồ số 6, diện tích 157,8m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 241079 do UBND huyện Vĩnh Hưng cấp ngày 30/9/2003 cho hộ ông (bà) Trần Văn B. Nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định, phân chia tài sản chung của ông Trần Văn B có quyền sử dụng ½ lô đất trên.

Các bị đơn được Tòa án thông báo và triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để trình bày ý kiến.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Chi cục Thi hành án dân sự Vĩnh Hưng trình bày:

Căn cứ Bản án số 15/2018/DS-ST ngày 11/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng; Căn cứ đơn yêu cầu thi hành án ngày 25/6/2018 của bà Huỳnh Thị Huỳnh N; Căn cứ Luật Thi hành án dân sự, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng đã ban hành Quyết định thi hành án số 521/QĐ-CCTHADS ngày 15/6/2018 với nội dung phải thi hành: ông Trần Văn Bảy phải nộp 4.500.000 đồng tiền án phí; Quyết định thi hành án số 552/QĐ-CCTHADS ngày 28/6/2018 với nội dung phải thi hành: Ông Trần Văn B phải nộp 90.000.000 đồng trả cho bà Huỳnh Thị Huỳnh N. Trường hợp ông B chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi có các Quyết định thi hành án nêu trên, Chấp hành viên Chi cục Thi hành án huyện Vĩnh Hưng đã thực hiện thủ tục thông báo thi hành án cho ông Trần Văn B bằng hình thức niêm yết công khai theo quy định của Luật Thi hành án dân sự (do ông B và gia đình đã bỏ địa phương không rõ đi đâu, làm gì và thời gian trở về).

Hết thời gian tự nguyện thi hành án, Chấp hành viên tiến hành xác minh điều kiện thi hành án của ông Trần Văn B và được Ngân hàng N cung cấp thông tin như sau: Ông Trần Văn B hiện đang thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 241079, số vào sổ cấp giấy 1225 QSDĐ/1301 được UBND huyện Vĩnh Hưng cấp cho hộ ông (bà) Trần Văn B ngày 30/9/2003 đối với thửa 71, tờ bản đồ số 6, loại đất thổ, có diện tích 157,8m^2 địa chỉ thửa đất: Thị trấn V, huyện H, tỉnh Long An để vay số tiền 100.000.000 đồng.

Căn cứ thông tin trên, Chấp hành viên đã tiến hành xác minh thành viên trong hộ ông Trần Văn B tại thời điểm được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi có kết quả xác minh, ngày 09/4/2019 chấp hành viên đã ban hành Thông báo số 271/TB-CCTHADS thông báo về việc xác định, phân chia, xử lý tài sản chung và thông báo cho các đương sự biết để thực hiện quyền của mình.

Ngày 02/5/2019, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng có Thông báo về việc thụ lý vụ án số 62/TB-TA đối với việc yêu cầu phân chia tài sản chung để thi hành án. Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 48 Luật Thi hành án dân sự, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng đã ban hành Quyết định số 14/QĐ-CCTHADS ngày 13/6/2019 Quyết định về việc hoãn thi hành án đối với Quyết định thi hành án số 521/QĐ-CCTHADS ngày 15/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng đã thông báo quá trình tổ chức thi hành án và cung cấp đầy đủ tài liệu liên quan đến việc thi hành án của ông Trần Văn B. Do đó, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng không tham gia tố tụng của vụ án và đề nghị Tòa án nhân dân huyện tiếp tục giải quyết vụ kiện theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà là mẹ ruột của bà Trương Thị T, diện tích 157,8m^2 đất thổ cư tại thửa 71 do ông Trần Văn B đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện bà đang trực tiếp sử dụng từ năm 2004 đến nay là của vợ chồng bà T, ông B. Vào năm 2004 bà nhận chuyển nhượng từ vợ chồng bà T, ông B nhưng chỉ thỏa thuận miệng, số tiền bao nhiêu bà không nhớ. Do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông B và bà T đang thế chấp Ngân hàng nên đến nay chưa làm thủ tục sang tên được. Hiện nay bà cất nhà trên một phần đất để ở. Trong vụ án này bà không có yêu cầu gì mà để giữa bà và vợ chồng bà T, ông B tự thỏa thuận và có yêu cầu vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Ông Trương Văn L trình bày: Ông là con ruột của bà Nguyễn Thị N và đang sống chung với bà N. Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa mẹ ông và vợ chồng ông B, bà T như thế nào ông không biết. Trong vụ án này ông không yêu cầu gì và có yêu cầu vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Ông Nguyễn Hùng L trình bày: Ông là em ruột của bà Nguyễn Thị N, ông đến ở nhờ trên phần đất của bà N được khoảng 07-08 tháng. Trong vụ án này ông không yêu cầu gì và có yêu cầu vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Tất cả đều tuân theo pháp luật tố tụng. Riêng các bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án:

Xét thửa đất số 71, tờ bản đồ số 6, diện tích 213,8m^2 tọa lạc tại đường N, khu phố M, thị trấn V được UBND huyện Vĩnh Hưng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 241079 ngày 30/9/2003 cho hộ ông Trần Văn B có nguồn gốc từ việc nhà nước giao đất năm 1992 theo giấy phép sử dụng đất số 354 ngày 08/9/1992. Ngày 09/4/2009 UBND huyện Vĩnh Hưng ra quyết định thu hồi 56m^2 đất để xây dựng công trình đường N nên diện tích hiện còn là 157,8m^2.

Theo công văn trả lời của UBND huyện số 687/UBND-VP thì hộ ông Trần Văn B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 241079. Tuy nhiên, hồ sơ lưu trữ hiện nay không tìm thấy văn bản thể hiện hộ ông Trần Văn B ở thời điểm cấp giấy năm 2003 bao gồm những ai.

Mặc khác, qua nghiên cứu hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho thấy trong giấy phép sử dụng đất số 354/CP.CĐ ngày 08/9/1992 của UBND huyện là cấp cho ông Trần Văn B. Tại hồ sơ kỹ thuật thửa đất ngày 01/9/1997 thể hiện tên chủ sử dụng là ông Trần Văn B. Đến ngày 20/6/1997 tại biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất, bà Trương Thị T là vợ của chủ sử dụng đất đã ký thay. Ngày 30/9/2003 ông Trần Văn B là người làm đơn đăng ký quyền sử dụng đất. Bên cạnh đó, căn cứ văn bản trả lời của Công an thị trấn V đã xác định được ngày 08/9/1992, hộ ông Trần Văn B có ông B, bà T và bà V; trong đó ông B và bà T là vợ chồng, bà V chỉ mới 7 tuổi chưa có công sức đóng góp vào thửa đất này.

Về quá trình sử dụng đất: Ông Trần Văn B và bà Trương Thị T đã thế chấp quyền sử dụng đất số bìa Y241079, thửa 71, tờ bản đồ số 6, diện tích 157,8m^2 tọa lạc tại thị trấn V vào ngày 11/01/2012 cho Agribank chi nhánh huyện T. H người đồng ý ký sở hữu tài sản và được chứng thực của UBND thị trấn V, đăng ký giao dịch bảo đảm tại văn phòng đăng ký đất đai tại huyện H ngày 12/01/2012.

Như vậy, thửa đất số 71, tờ bản đồ số 6, diện tích 213,8m^2 tọa lạc tại đường N, khu phố M, thị trấn V là tài sản chung của vợ chồng ông Trần Văn B và bà Trương Thị T. Yêu cầu của bà N là có cơ sở để chấp nhận.

Từ phân tích trên đề nghị áp dụng quy định tại Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 212, 213, 219 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngày 25/4/2019 bà Huỳnh Thị Huỳnh N có đơn yêu cầu giải quyết dân sự về việc xác định, phân chia tài sản chung của ông Trần Văn B. Ngày 02/5/2019 Tòa án thụ lý việc dân sự và xác định quan hệ pháp luật là yêu cầu phân chia tài sản chung để thi hành án theo quy định tại khoản 9 Điều 27 Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi Tòa án thụ lý việc dân sự Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý việc dân sự cho những người liên quan là ông Trần Văn B, bà Trương Thị T, bà Trần Trương Thảo V, ông Trần Trương Huyền Đ nhưng các ông bà không đến Tòa án để trình bày ý kiến nên xác định có tranh chấp xảy ra. Ngày 29/5/2019 Tòa án có quyết định chuyển việc dân sự thành vụ án dân sự số 01/2019/QĐ-DS để giải quyết theo quy định tại khoản 14 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Diện tích đất có yêu cầu phân chia tọa lạc tại thị trấn V, huyện H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự:

Các bị đơn ông Trần Văn B, bà Trương Thị T, bà Trần Trương Thảo V, ông Trần Trương Huyền Đ vắng mặt nhưng đã được thông báo về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thời gian mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp nhận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 01, lần 02 và thời gian mở phiên tòa lần 01, lần 02 trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời tiến hành thủ tục thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự là niêm yết công khai thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp nhận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 01, lần 02 và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng các bị đơn không đến Tòa án trình bày ý kiến và tại phiên tòa vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đề nghị giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về nội dung khởi kiện:

Xét hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Tại đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất diện tích 213,8m^2 thửa số 71, tờ bản đồ số 6 thể hiện chủ sử dụng đất là ông Trần Văn B được xác nhận của UBND thị trấn V ngày 30/9/2003, có xác nhận đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/9/2003 của Phòng Nông nghiệp địa chính H, được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng ngày 30/9/2003. Về nguồn gốc sử

dụng đất thể hiện là do nhà nước giao năm 1992. Căn cứ giấy phép sử dụng đất số 354/CP.CĐ ngày 08/9/1992 của UBND huyện H thể hiện cấp cho Trần Văn B, mục đích sử dụng là cất nhà ở. Tại hồ sơ kỹ thuật thửa đất ngày 01/9/1997 thể hiện tên chủ sử dụng là ông Trần Văn B, kèm theo biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất theo hiện trạng sử dụng được lập ngày 20/6/1997 do bà Trương Thị T là vợ ông Trần Văn B ký thay. Tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 241079 do UBND huyện H cấp ngày 30/9/2013 thể hiện hộ ông (bà) Trần Văn B.

Tại Công văn số 687/UBND-VP ngày 22/7/2019 UBND huyện H thể hiện nguồn gốc của thửa đất số 71, diện tích 213,80m^2, tờ bản đồ số 6 tọa lạc tại đường N, khu phố M, thị trấn V được UBND huyện H cấp năm 1992 và đến năm 2003 thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 241079 cho hộ ông (bà) Trần Văn B. Tuy nhiên, hồ sơ lưu trữ hiện nay không tìm thấy văn bản thể hiện hộ ông Trần Văn B ở thời điểm cấp giấy năm 2003 bao gồm những ai và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/4/2009 UBND huyện H có Quyết định số 733/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để xây dựng công trình đường N trong đó thể hiện thu hồi 56m^2 đất của hộ ông Trần Văn B nên diện tích đất còn lại là 157,8m^2.

Tại Công văn số 15/CV-CATT ngày 29/7/2019 của Công an thị trấn V xác định năm 1992 hộ ông Trần Văn B gồm có ông Trần Văn B, bà Trương Thị T và Trần Trương Thảo V. Xét hồ sơ cấp giấy thể hiện nguồn gốc đất đã có từ năm 1992, lúc đó Trần Trương Thảo V mới 07 tuổi nên chưa có công sức đóng góp vào khối tài sản trên. Hơn nữa, năm 2003 hồ sơ cấp giấy không thể hiện việc hộ gia đình gồm có những ai, năm 1992 ông B và bà T tồn tại mối quan hệ vợ chồng nên có căn cứ xác định diện tích đất trên là tài sản chung của ông B và bà T. Như vậy, ông B và bà T mỗi người có quyền sử dụng ½ diện tích 157,8m^2 đất thổ cư tại thửa 71, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại đường N, khu phố M, thị trấn V.

Từ những phân tích trên xét yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Huỳnh N là có căn cứ được chấp nhận. Nên đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện là có căn cứ.

Đối với bà Nguyễn Thị N là mẹ ruột của bà Trương Thị T cho rằng đã nhận chuyển nhượng diện tích đất trên từ năm 2004 và cất nhà một phần trên diện tích đất nhưng cho rằng chỉ thỏa thuận miệng, số tiền nhận chuyển nhượng bao nhiêu không nhớ và Tòa án đã giải thích quyền yêu cầu đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng bà không yêu cầu gì mà để tự thỏa thuận với bà T, ông B thì Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Bà N có quyền khởi kiện thành một vụ kiện khác nếu có yêu cầu.

Đối với ông Trương Văn L là con ruột của bà Nguyễn Thị N là người sống chung nhà với bà N cũng không có yêu cầu gì trong vụ án nên Tòa án không đề cập đến.

Đối với ông Nguyễn Hùng L là người do bà Nguyễn Thị N cho ở nhờ, chỉ cất một cái chòi nhỏ bằng bạt để sinh sống, không có yêu cầu gì trong vụ án nên Tòa án không đề cập đến.

Đối với Ngân hàng N: Tại công văn số 178/NHNo-TH ngày 17/7/2019 thể hiện ông B và bà T thế chấp quyền sử dụng đất số bìa Y 241079, thửa 71, tờ bản đồ số 6, diện tích 157,8m^2 ngày 11/01/2012. Việc thế chấp được ông Bảy và bà T đồng sở hữu tài sản và được chứng thực của UBND thị trấn V, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện H ngày 12/01/2012. Ông B và bà T vay hợp đồng tín dụng số 6615LAV2012-00019 (12TD22003) ngày ký 11/01/2012 với số tiền 100.000.000 đồng. Hiện tại ông B và bà T còn nợ gốc là 85.000.000 đồng đã quá hạn từ ngày 11/01/2016. Khoản nợ vay của ông B và bà T đã quá hạn, khi vay ông B và bà T có thế chấp tài sản được chứng thực hợp đồng thế chấp và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định. Để bảo đảm quyền lợi của Ngân hàng, đảm bảo thu hồi vốn cho Nhà nước, Ngân hàng yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tại Ngân hàng trước khi thực hiện các quyền lợi liên quan khác đến quyền sử dụng đất nêu trên. Ngân hàng sẽ khởi kiện đòi nợ khách hàng khi các yếu tố pháp lý khác làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng.

Do xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp là phân chia tài sản chung của ông Trần Văn B để thi hành án là xác định phần quyền sử dụng của ông B đối với diện tích 157,8m^2 là bao nhiêu để thi hành án mà chưa làm ảnh hưởng đến hợp đồng thế chấp hay hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và ông B, bà T và Ngân hàng không có yêu cầu gì trong vụ án này nên Tòa án không đưa Ngân hàng tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Ngân hàng được quyền khởi kiện thành một vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

[4] Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Tổng số tiền 3.100.000 đồng, bà Huỳnh Thị Huỳnh N phải chịu và đã thanh toán xong nên không đề cập.

[5] Về án phí: Bà Huỳnh Thị Huỳnh N được chấp nhận yêu cầu nên được hoàn lại tiền tạm ứng án phí. Ông Trần Văn B phải chịu án phí dân sự không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 14 Điều 26, khoản 9 Điều 27, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, 147, 179, 180, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 212, 213, 219 Bộ luật Dân sự; Điều 74 Luật Thi hành án dân sự; Căn cứ Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ Điều 166, 170 Luật Đất đai; Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Huỳnh N

Xác định ông Trần Văn B được quyền sử dụng ½ (một phần hai) đối với diện tích 157,8m^2 đất thổ (T) tại thửa 71, tờ bản đồ số 6 do hộ ông (bà) Trần Văn B đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành Y 241079, số vào sổ cấp giấy 1225 QSDĐ/1310 được UBND huyện H cấp ngày 30/9/2003, tọa lạc tại đường N, khu phố M, thị trấn V, huyện H, tỉnh Long An.

2. Về án phí:

Ông Trần Văn B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Hoàn lại cho bà Huỳnh Thị Huỳnh N 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng ngày 02/5/2019 theo biên lai thu số 0004402.

Báo cho đương sự có mặt được biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Vĩnh Hưng;
- CCTHADS huyện Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị The